

Vietnam Daily Review

Tiếp tục đà giảm điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 12/7/2022	•		
Tuần 11/7-15/7/2022	•		
Tháng 7/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường giảm co tuy nhiên vẫn duy trì xu hướng đi xuống từ đầu phiên sáng. Sang đến phiên chiều, thị trường đột ngột bị bán mạnh mẽ, lùi xuống ngưỡng 1145 trước khi quay lại đóng cửa tại vùng 1155, giảm 16 điểm so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 16/19 ngành giảm điểm, trong đó mức giảm mạnh nhất thuộc về ngành Ngân hàng và Dịch vụ tài chính. Ngưỡng 1150 là ngưỡng hỗ trợ khá cứng của thị trường, trong những phiên tới thị trường có thể sẽ tiếp tục giao dịch trên ngưỡng này.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc giao dịch ngắn hạn trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 11/07/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-16.02** điểm, đóng cửa **1155.29** điểm. HNX-Index **-0.87** điểm, đóng cửa **276.93** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **KBC (+0.22)**, **DIG (+0.22)**, **GEX(+0.18)**, **HAG (+0.16)**, **PGV (+0.15)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-2.34)**, **TCB (-1.65)**, **VPB (-1.20)**, **MSN (-0.85)**, **BID (-0.63)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 10,148 tỷ đồng, tăng **8.55%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 11,445 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 20.68 điểm. Thị trường có **131** mã tăng, 65 mã tham chiếu và **319** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **5.7 tỷ** đồng trên sàn HOSE, gồm **VNM (53.70 tỷ)**, **GMD (26.18 tỷ)**, **PNJ (23.91 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-2.89 tỷ** đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1155.29**

Giá trị: 10148.4 tỷ **-16.02 (-1.37%)**

Khối ngoại (ròng): 5.7 tỷ

HNX-INDEX **276.93**

Giá trị: 1092.16 tỷ **-0.87 (-0.31%)**

Khối ngoại (ròng): -2.89 tỷ

UPCOM-INDEX **86.25**

Giá trị: 0.47 tỷ **-0.71 (-0.82%)**

Khối ngoại (ròng): -2.58 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	102.8	-1.91%
Giá vàng	1,739	-0.21%
Tỷ giá USD/VND	23,341	-0.07%
Tỷ giá EUR/VND	23,622	-0.65%
Tỷ giá JPY/VND	17,032	-0.79%
LS liên NH 1 tháng	2.4%	0.22%
LS TPCP 5 năm	2.5%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	53.7	SSI	-46.7
GMD	26.2	DPM	-41.9
PNJ	23.9	VND	-23.9
MWG	20.2	VHM	-17.6
STB	17.0	VCB	-15.9

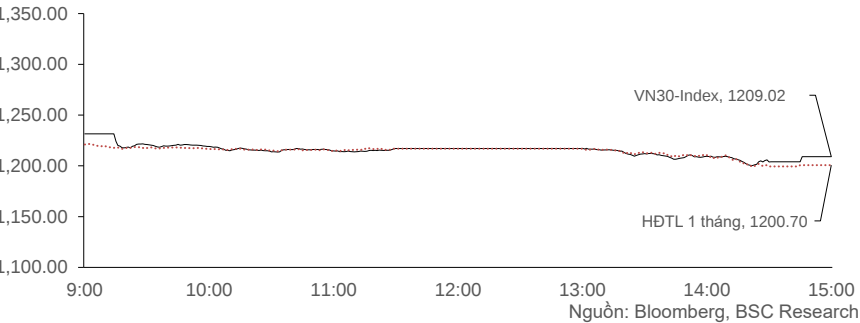
Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 3
Thống kê thị trường	Trang 4
Khuyến nghị dài hạn	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2207	1200.70	-1.98%	-8.32	8.5%	228,673	7/21/2022	12
VN30F2208	1209.50	-1.10%	0.48	84.7%	578	8/18/2022	40
VN30F2209	1198.80	-2.37%	-10.22	38.7%	43	9/15/2022	68
VN30F2212	1190.00	-2.62%	-19.02	51.4%	56	12/15/2022	159

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm 22.52 điểm xuống 1209.02 điểm, biên độ dao động 24.05 điểm. Các cổ phiếu như TCB, VPB, MSN, MBB và ACB đã tác động đến nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc giao dịch ngắn hạn trong phiên.
- Các HĐTL hầu hết giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, có sự cân bằng khi các HĐ VN30F2209 và VN30F2212 tăng, VN30F2205, VN30F2206 giảm so với phiên trước đó. Xét về vị thế mở, các HĐ đều giảm so với phiên trước đó. Nhịp vận động của VN30 trong phiên hôm nay hình thành gap và nền giảm phá qua đáy thấp nhất tháng 5, thanh khoản của chỉ số vẫn ở mức trung bình. Giá đang trong xu hướng giảm, chỉ báo RSI đang quanh ngưỡng 35 và xuất hiện phân kỳ tăng, chỉ báo MACD có dấu hiệu tích cực và cũng phân kỳ với giá. Tuy nhiên chưa có thêm các yếu tố đảo chiều như nền, cấu trúc sóng,... để xác nhận đáy đảo chiều xu hướng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CSTB2213	1/3/2023	176	8:1	128,200	47.00%	1,000	520	6.12%	294	1.77	35,324	24,444	22,050
CVNM2203	8/15/2022	35	20:1	489,700	26.42%	1,000	210	5.00%	7	30.92	107,511	81,111	127,400
CPDR2204	1/3/2023	176	16:1	100	32.30%	1,000	610	3.39%	178	3.42	77,499	57,979	52,300
CVJC2203	12/27/2022	169	20:1	4,900	28.36%	1,400	1,060	0.00%	460	2.30	145,731	131,131	127,400
CNVL2202	8/15/2022	35	16:1	41,100	26.33%	1,000	200	0.00%	32	6.16	93,279	79,999	73,400
CNVL2205	12/27/2022	169	16:1	200	26.33%	1,100	670	0.00%	172	3.90	121,088	81,888	73,400
CVNM2205	10/20/2022	101	16:1	4,800	26.42%	1,000	600	0.00%	80	7.53	127,839	79,999	73,000
CMBB2206	10/3/2022	84	10:1	108,400	35.79%	1,000	560	-1.75%	347	1.62	101,222	22,222	24,400
CVNM2204	10/7/2022	88	10:1	420,500	26.42%	1,500	880	-2.22%	303	2.90	81,600	73,000	73,000
CFPT2201	9/20/2022	71	6.6:1	95,700	33.29%	2,100	940	-3.09%	531	1.77	88,884	106,000	82,800
CMBB2207	1/3/2023	176	10:1	241,000	35.79%	1,000	560	-6.67%	347	1.61	32,656	23,456	24,400
CMWG2201	9/20/2022	71	4.97:1	54,300	34.42%	2,600	1,200	-7.69%	581	2.07	68,352	134,500	64,500
CSTB2214	1/9/2023	182	2:1	130,100	47.00%	1,630	1,880	-8.29%	1,486	1.26	23,840	23,000	22,050
CPNJ2203	10/3/2022	84	24.8:1	127,200	41.67%	1,300	830	-9.78%	614	1.35	126,542	109,999	115,500
CSTB2211	12/27/2022	169	8:1	1,865,700	47.00%	1,000	490	-10.91%	339	1.45	31,173	23,333	22,050
CPNJ2202	10/3/2022	84	24.8:1	138,700	41.67%	1,200	810	-10.99%	680	1.19	130,482	99,999	115,500
CVPB2204	11/15/2022	127	16:1	358,500	37.64%	1,000	400	-11.11%	118	3.39	30,888	30,888	27,500
CFPT2203	8/1/2022	21	3.3:1	679,700	33.29%	3,800	1,980	-14.66%	1,831	1.08	86,866	95,000	82,800
CVRE2209	12/27/2022	169	8:1	420,400	39.26%	1,000	370	-21.28%	166	2.23	30,888	30,888	26,000
CVPB2203	7/15/2022	4	16:1	14,700	37.64%	1,000	10	-83.33%	30	0.34	28,888	28,888	27,500

Tổng 5,323,900 35.20%**

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất Lãi suất phi rủi ro là 4.75% **Trung bình độ lệch chuẩn	CR: Tỷ lệ chuyển đổi Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
------------	--	---

- Trong phiên giao dịch ngày 11/07/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CAB2102 và CNVL2205 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 194.12% và 33.33%. Giá trị giao dịch giảm 9.74%, CFPT2201 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.67% thị trường.
- CVHM2202, CPOW2203, CVHM2206 và CKDH2204 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CPNJ2203, CPOW2202, CMBB2206 và CNVL2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CPNJ2201, CFPT2203 và CPNJ2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	64.5	-0.8%	0.7	4,105	3.8	3,515	18.3	4.2	97.4%	25.8%
PNJ	Bán lẻ	115.5	-0.4%	0.7	1,217	2.7	5,443	21.2	3.5	49.0%	18.0%
BVH	Bảo hiểm	54.6	0.0%	1.3	1,762	2.4	2,529	21.6	1.9	26.6%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	43.5	-0.7%	0.7	443	0.1	3,630	12.0	1.3	58.5%	11.0%
VIC	Bất động sản	70.0	0.0%	0.5	11,608	7.1	(578) #N/A	N/A	2.6	12.2%	-2.4%
VRE	Bất động sản	26.0	-3.7%	1.1	2,569	3.9	401	64.9	1.9	31.1%	3.0%
VHM	Bất động sản	60.5	-0.8%	0.8	11,454	12.6	8,786	6.9	2.0	23.3%	34.5%
DXG	Bất động sản	20.9	-1.6%	1.5	552	7.4	1,503	13.9	1.4	30.9%	11.3%
SSI	Chứng khoán	20.7	1.2%	1.7	1,338	23.3	2,841	7.3	1.5	34.0%	22.6%
VCI	Chứng khoán	35.7	-3.8%	1.0	520	6.3	4,884	7.3	1.7	18.7%	26.9%
HCM	Chứng khoán	22.7	-6.8%	1.6	450	9.0	2,619	8.6	1.4	43.1%	17.9%
FPT	Công nghệ	82.8	-1.0%	1.0	3,949	3.6	4,293	19.3	4.7	49.0%	26.1%
FOX	Công nghệ	66.5	-1.5%	0.4	949	0.0	4,926	13.5	3.6	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	94.9	-0.7%	1.0	7,897	2.0	5,109	18.6	3.3	2.9%	19.2%
PLX	Dầu khí	39.5	0.4%	1.5	2,182	0.5	1,950	20.3	2.0	17.3%	9.9%
PVS	Dầu khí	22.6	-0.4%	1.6	470	5.3	1,408	16.1	0.9	9.0%	5.5%
BSR	Dầu khí	22.5	-4.3%	0.8	3,033	9.2	2,108	10.7	1.9	41.1%	19.1%
DHG	Dược	87.1	-1.0%	0.3	495	0.0	6,105	14.3	3.2	54.2%	21.8%
DPM	Hóa chất	46.4	-0.1%	1.3	789	6.1	12,920	3.6	1.5	16.5%	50.2%
DCM	Hóa chất	27.7	-3.5%	1.2	636	4.5	5,643	4.9	1.6	9.9%	38.9%
VCB	Ngân hàng	72.0	-2.7%	0.8	14,815	2.1	4,855	14.8	2.9	23.5%	21.1%
BID	Ngân hàng	34.5	-1.4%	1.2	7,588	3.1	2,266	15.2	2.0	16.9%	13.8%
CTG	Ngân hàng	25.5	-1.5%	1.5	5,328	2.7	2,558	10.0	1.3	26.5%	13.0%
VPB	Ngân hàng	27.5	-3.8%	1.2	5,315	10.3	3,874	7.1	1.4	17.4%	24.0%
MBB	Ngân hàng	24.4	-2.6%	1.3	4,008	8.8	3,623	6.7	1.4	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	23.5	-2.1%	1.1	3,451	1.7	3,081	7.6	1.6	30.0%	24.2%
BMP	Nhựa	54.9	-3.5%	0.7	195	0.0	3,150	17.4	1.9	85.6%	10.7%
NTP	Nhựa	34.7	0.2%	0.6	195	0.1	3,628	9.6	1.6	17.8%	16.9%
MSR	Tài nguyên	17.9	3.5%	1.5	855	0.3	178	100.6	1.4	10.1%	1.4%
HPG	Thép	22.1	-1.8%	1.1	5,575	12.1	5,726	3.9	1.3	20.5%	40.4%
HSG	Thép	17.8	-2.2%	1.6	382	5.7	7,157	2.5	0.8	7.0%	35.8%
VNM	Tiêu dùng	73.0	0.0%	0.6	6,633	8.1	4,390	16.6	4.7	54.4%	28.9%
SAB	Tiêu dùng	155.1	0.0%	0.8	4,324	0.4	5,969	26.0	4.6	62.7%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	102.5	-2.3%	1.0	6,345	2.5	7,041	14.6	5.3	28.8%	45.7%
SBT	Tiêu dùng	17.5	-1.4%	1.6	477	0.8	1,144	15.3	1.3	8.1%	8.3%
ACV	Vận tải	77.4	0.0%	0.8	7,326	0.1	363	213.3	4.5	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	127.4	-0.3%	1.1	3,000	2.8	361	352.5	4.0	16.8%	1.2%
HVN	Vận tải	16.3	-0.3%	1.7	1,569	0.9	(5,210) #N/A	N/A #N/A	N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	48.1	0.8%	1.0	630	2.6	2,256	21.3	2.2	45.5%	10.8%
PVT	Vận tải	18.6	-2.4%	1.4	262	1.1	2,088	8.9	1.1	13.0%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	69.1	-3.6%	0.9	481	0.2	10,540	6.6	2.1	3.2%	37.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	47.7	2.0%	0.7	929	1.9	3,677	13.0	2.7	5.6%	22.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.6	1.0%	1.1	258	0.4	783	19.9	1.1	1.9%	5.6%
CTD	Xây dựng	61.6	1.5%	1.3	198	1.7	(27) #N/A	N/A	0.6	49.0%	0.0%
CII	Xây dựng	18.3	0.8%	1.3	200	5.1	1,266	14.4	0.9	9.9%	6.1%
REE	Điện	72.0	-6.4%	-1.4	1,113	3.1	5,994	12.0	1.9	49.0%	16.7%
PC1	Điện	33.1	-5.2%	-0.4	338	3.0	3,238	10.2	1.6	4.7%	16.9%
POW	Điện	12.5	-3.8%	0.6	1,273	7.6	859	14.6	1.0	2.3%	6.9%
NT2	Điện	22.2	-4.1%	0.7	278	1.2	1,933	11.5	1.5	13.9%	13.1%
KBC	Khu công nghiệp	33.2	3.4%	1.5	1,108	5.7	866	38.3	1.7	19.3%	5.3%
BCM	Khu công nghiệp	59.1	0%	0.9	2,660	0.2	1,190	49.7	3.7	2.7%	8.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DIG	40.10	4.29	0.21	11.81MLN
GEX	20.50	4.06	0.18	10.91MLN
KBC	33.20	3.43	0.16	4.02MLN
HAG	10.25	6.55	0.15	25.38MLN
PGV	26.20	1.95	0.15	21100

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-2.45	660800	1.11MLN
TCB	-0.01	-1.77	8.45MLN	607060
VPB	0.00	-1.28	8.47MLN	373600
MSN	0.00	-0.89	565100	192700
BID	0.00	-0.66	2.06MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HUB	22.15	20.00	0.02	33200.00
TSC	6.58	6.99	0.02	1.33MLN
VPH	7.83	6.97	0.01	109700
TNI	4.15	6.96	0.00	954000
DBC	26.30	6.91	0.10	7.89MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
FLC	5.61	-6.97	-0.08	6.87MLN
ROS	2.94	-6.96	-0.03	7.12MLN
ANV	42.45	-6.91	-0.10	1.76MLN
FTS	34.45	-6.89	-0.10	1.05MLN
DGW	53.10	-6.84	-0.09	964900

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

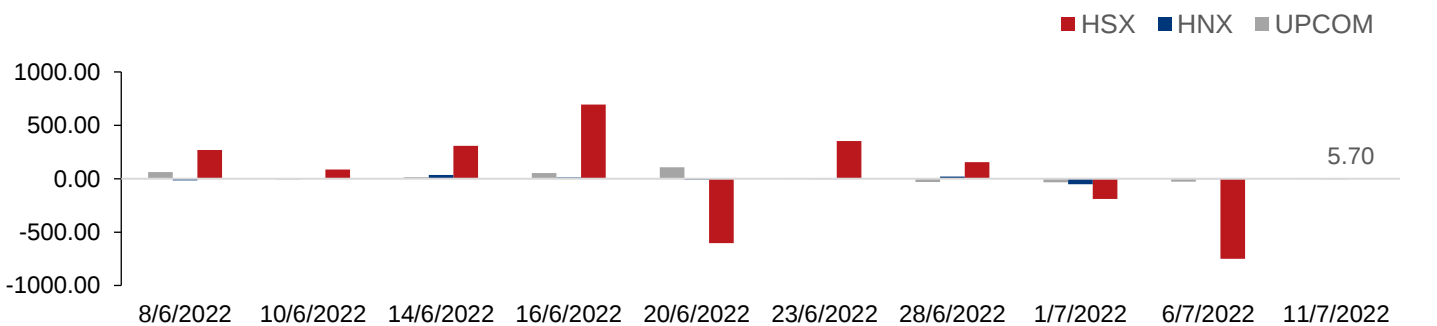
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDC	54.50	5.01	1.08	2.73MLN
HUT	26.70	3.49	0.31	3.78MLN
SZB	38.40	7.26	0.05	1500
BCC	14.20	5.19	0.04	563400.00
VHL	23.00	8.49	0.04	100

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
THD	54.50	-2.15	-0.53	176800
SHS	14.00	-2.78	-0.42	8.77MLN
TNG	25.60	-4.48	-0.14	2.28MLN
VCS	69.10	-3.63	-0.14	70500
BAB	16.70	-0.60	-0.12	8600

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PIC	14.30	10.0	0.02	14500
PIA	28.90	9.9	0.01	100
VTL	14.70	9.7	0.01	100
SGD	20.00	9.3	0.00	100
VMS	13.00	9.2	0.01	300.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
QHD	42.30	-10.00	-0.04	100
VNC	34.10	-9.79	-0.03	100
L40	21.20	-9.79	0.00	100
PTD	10.60	-9.40	0.00	100
C92	4.00	-9.09	0.00	15300

Hình 3
 Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	59.2	3,434	17.2	4.8	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	115.5	5,443	21.2	3.5	Click
3	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	13.7	1,701	8.1	0.6	Click
4	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	22.2	1,933	11.5	1.5	Click
5	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	68.5	10,029	6.8	1.3	Click
6	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	74.5	4,874	15.3	4.8	Click
7	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	33.1	3,238	10.2	1.6	Click
8	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	13.1	-129	#N/A N/A	0.7	Click
9	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	82.8	4,293	19.3	4.7	Click
10	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	27.0	2,466	10.9	1.7	Click
11	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	18.8	9,632	2.0	0.8	Click
12	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	12.5	859	14.6	1.0	Click
13	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	115.5	5,443	21.2	3.5	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	64.5	3,515	18.3	4.2	Click
15	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	18.6	2,088	8.9	1.1	Click
16	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	95.1	8,710	10.9	4.8	Click
17	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	22.1	5,726	3.9	1.3	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	33.2	866	38.3	1.7	Click
19	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	21.7	5,084	4.3	1.4	Click
20	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	20.9	1,503	13.9	1.4	Click
21	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	53.1	4,775	11.1	4.3	Click
22	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	42.5	2,136	19.9	2.1	Click
23	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	25.6	2,701	9.5	1.8	Click
24	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	75.1	8,331	9.0	2.2	Click
25	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	27.5	1,941	14.2	1.3	Click
26	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	43.5	3,630	12.0	1.3	Click
27	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	22.6	1,408	16.1	0.9	Click
28	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	94.9	5,109	18.6	3.3	Click
29	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	20.3	3,141	6.4	1.3	Click
30	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	61.6	-27	#N/A N/A	0.6	Click
31	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	13.7	1,701	8.1	0.6	Click
32	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	9.5	1,350	7.0	0.4	Click
33	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	9.5	1,350	7.0	0.4	Click
34	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	10.5	2,433	4.3	0.8	Click
35	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	115.5	5,443	21.2	3.5	Click
36	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	115.5	5,443	21.2	3.5	Click
37	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	64.5	3,515	18.3	4.2	Click
38	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	45.0	2,762	16.3	3.2	Click
39	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	36.2	1,900	19.1	1.6	Click
40	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	22.5	2,108	10.7	1.9	Click
41	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	15.6	1,034	15.1	0.9	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	75.1	8,331	9.0	2.2	Click
43	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	37.0	2,916	12.7	2.0	Click
44	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	11.2	991	11.3	0.8	Click
45	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	26.3	1,956	13.4	1.4	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	36.4	3328.9	10.9	1.6	Click
47	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	22.2	1,933	11.5	1.5	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
4	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
5	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
6	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
7	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
8	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
10	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
11	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
13	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
14	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
15	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
16	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
18	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
19	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
22	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
25	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
26	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
27	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
28	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
29	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
30	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
31	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
33	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
35	Banking Sector Outlook		x	Click
36	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
37	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
38	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
39	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
40	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
41	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
42	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
43	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
44	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639